

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 411/2025/DS-PT
Ngày: 10 – 7 – 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Ông Võ Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Dương Thanh Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2025/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 896/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp Đ, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

- Bị đơn:

+ Lê Văn L, sinh năm 1967;

+ Nguyễn Thị N, sinh năm 1971 (là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

(ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

Người giám hộ: Lê Văn L, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp.
(ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).
- *Người kháng cáo*: Bị đơn Lê Văn L.
(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Trương Thị Ngọc H trình bày:*

Do quen biết nên vào ngày 14/12/2018 âm lịch bà có cho vợ chồng ông L, bà N mượn 10 chỉ vàng 24K, loại vàng nhẫn. Đến ngày 28/12/2018 âm lịch bà N đến gặp bà mượn thêm 15.000.000 đồng. Khi mượn không có tính lãi. Do quen biết nên không có làm biên nhận. Khi mượn vàng và tiền đều do bà N đến mượn, nhưng ông L biết, khi bà N vừa đem vàng về đến nhà ông L đã điện thoại cảm ơn bà. Sau đó bà N trả dần dần được 6.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng. Đến ngày 20/5/2020 bà N viết biên nhận cho bà và hứa đến ngày 20/7/2020 sẽ trả cho bà 1 chỉ vàng và 9.000.000 đồng. Từ ngày viết biên nhận đến nay bà N, ông L chưa trả cho bà số tiền nào.

Nay bà yêu cầu bà N, ông L liên đới trả cho chị số vàng đã mượn là 10 chỉ vàng 24K loại vàng nhẫn 99,99% và 9.000.000 đồng, yêu cầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại phiên hòa giải của Tòa án và tại phiên toàn sơ thẩm bị đơn ông Lê Văn L và là người giám hộ cho bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Ông không đồng ý với yêu cầu của bà Trương Thị Ngọc H. Ông không có mượn tiền và vàng của bà H như bà H trình bày. Việc vợ ông là bà Nguyễn Thị N có mượn tiền và vàng của bà H hay không thì ông không biết. Khi bà H đến nhà ông để đòi nợ ông có hứa với bà H sẽ bán đất, nhà trả. Tuy nhiên, sau đó bà H nhiều lần đến đập phá nhà cửa, chửi mắng xúc phạm ông nên ông không đồng ý trả. Nay ông không đồng ý trả nợ cho bà H, ai nợ thì người đó trả.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2025/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) đã áp dụng Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 494, Điều 495, Điều 496, Điều 499, Điều 288, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Ngọc H số tiền là 9.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K, loại vàng nhẫn 99,99%, thực hiện sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà Trương Thị Ngọc H có yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn L chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định pháp luật.

* Ngày 27 tháng 02 năm 2025, bị đơn Lê Văn L có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2025/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Lê Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 87/2025/DS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Lê Văn L nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Trong giao dịch giữa bà Trương Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị N có đối tượng là tiền và vàng là vật tiêu hao nên không phải là đối tượng của hợp đồng cho mượn tài sản theo quy định tại Điều 112 của Bộ luật Dân sự. Nội dung thỏa thuận giữa các bên phù hợp Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại quan hệ pháp luật có tranh chấp của bản án dân sự sơ thẩm để áp dụng đúng pháp luật nội dung. Tuy vậy, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi cơ bản tính chất vụ việc nên không cần thiết sửa bản án sơ thẩm mà rút kinh nghiệm là đủ.

[3]. Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ lời khai thừa nhận của ông Lê Văn L trong quá trình tố tụng, có cơ sở xác định: bà Nguyễn Thị N vay của bà Trương Thị Ngọc H số tiền vay 9.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K (99,99%), có viết biên nhận ngày 20/5/2020, thời hạn trả 20/7/2020. Ông Lê Văn L cam kết trả nợ sau khi bán đất.

Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L nợ bà Trương Thị Ngọc H 01 lượng vàng 24K (99,99%) và 9.000.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L.

Tuy vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ trả vàng sẽ dẫn đến khó khăn trong việc thi hành án, do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh thực hiện nghĩa vụ dân sự theo hướng quy đổi thành tiền tại thời điểm thi hành án.

[4]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Ông Lê Văn L kháng cáo không được chấp nhận, nên ông phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2025/DS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp (Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) về nghĩa vụ dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc H.

Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Ngọc H số tiền là 9.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24K (99,99%). Vàng được quy đổi thành tiền tại thời điểm thi hành án.

Kể từ ngày bà Trương Thị Ngọc H có yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm trả.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Lê Văn L đã nộp theo biên lai thu số 0002957 ngày 27/02/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực X - Đồng Tháp (Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ) thành án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực X - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy